|  |  |
| --- | --- |
| **PHÁT TRIỂN ĐỀ THAM KHẢO****ĐỀ SỐ 10**(Đề thi có 04 trang) | **KỲ THI THỬ TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2023****Bài thi: KHOA HỌC TỰ NHIÊN****Môn thi thành phần: HÓA HỌC**Thời gian làm bài: 50 phút, không kể thời gian phát đề |

**Họ, tên thí sinh: …………………………………………….**

**Số báo danh: ……………………………………………….**

\* Cho biết nguyên tử khối của các nguyên tố: H = 1; C = 12; N = 14; O = 16; Na = 23; Mg = 24; Al = 27; S = 32; Cl = 35,5; K = 39, Fe = 56; Cu = 64; Ba = 137.

\* Các thể tích khí đều đo ở (đktc), các khí sinh ra đều không tan trong nước.

**Câu 41.** Natri hidroxit phản ứng với chất nào sau đây sinh ra natri nitrat

 **A.** KNO3. **B.** HNO3. **C.** NO. **D**.BaCl2.

**Câu 42.** Dung dịch nào sao đây **không** hòa tan được nhôm hidroxit

 **A.** HNO3. **B.** KOH. **C.** HCl. **D.** KCl.

**Câu 43.** Ở điều kiện thường, chất nào sau đây ở trạng thái khí

**A.** Propylamin. **B.** Alanin. **C.** Alinin. **D.** Đimetylamin.

**Câu 44.** Nhúng thanh kim loại sắt vào dung dịch chất nào sau đây sẽ xảy ra hiện tượng ăn mòn điện hóa

 **A.** HCl. **B.** H2SO4. **C.** CuSO4. **D.** AlCl3.

**Câu 45.** Dùng hóa chất nào sau đây làm giảm độ cứng của nước cúng vĩnh cửu

 **A.** HCl. **B.** NaOH. **C.** Na2CO3. **D.** H2SO4.

**Câu 46.** Kim loạisắt phản ứng với dung dịch hoặc chất nào sau đây thu được muối sắt (II)

 **A.** Dung dịch AgNO3 dư. **B.** Khí clo.

 C. Dung dịch H2SO4 đặc nóng. D. Dung dịch CuCl2.

**Câu 47.** Bari tác dụng với chất nào sau đây thu được bari hidroxit

 **A.** O2. **B.** HCl. **C.** H2SO4. **D.** H2O.

**Câu 48.** Metyl fomat là tên gọi của chất nào sau đây

 **A.** HCOOCH3. **B.** CH3COOH.

 **C.** CH3COOCH3. **D.** HCOOC6H5.

**Câu 49.** Điện phân dung dịch NaCl, ở anot thu được

**A.** NaOH. **B.** Na. **C.** Cl2. **D**. H2.

**Câu 50.** Polime nào sau đây được điều chế bằng phản ứng trùng ngưng

 **A.** Tơ Nilon-6. **B.** Tơ visco. **C.** Poli etilen. **D.** Cao su BuNa.

**Câu 51.** Muối nào sau đây là muối trung hòa

 **A.** KHSO4. **B.** NaHCO3. **C**.KHS. **D**. MgSO4.

**Câu 52.** Quặng nào sau đây được dùng để sản xuất nhôm

 **A.** Quặng hematit. **B.** Quặng apatit. **C**.Quặng đolomit. **D.** Quặng boxit.

**Câu 53.** Tác nhân chủ yếu gây ra mưa axit là

 **A.** CO2, NO2. **B.** SO2, NO2. **C.** NO, NO2. **D**. SO2, CO2.

**Câu 54.** Hợp chất (C17H33COO)3C3H5 có tên gọi là

 **A.** triolein. **B.** trilinolein. **C.** tristearin. **D.** tripanmitin.

**Câu 55.** Kim loại nào sau đây dẻo nhất trong tất cả các kim loại

 **A.** Ag. **B.** Os. **C.** Au. **D.** Cs.

**Câu 56.** Chất nào sau đây là axit axetic

 **A.** C2H5OH. **B.** CH3CHO. **C.** HCOOH. **D.** CH3COOH.

**Câu 57.** Amin nào sau đây là amin bậc hai?

 **A.** C2H5NH2. **B.** (CH3)3N. **C.** C6H5NH2. **D.** (CH3)2NH.

**Câu 58.** Công thức crom(III) sunfat là

 **A.** CrO3. **B.** CrSO4. **C.** Cr2(SO4)3. **D.** NaCrO2.

**Câu 59.** Natri phản ứng với nước tạo thành chất nào sau đây

 **A.** Na2O. **B.** NaOH. **C.** NaCl. **D.** Na2SO4.

**Câu 60.** Chất nào sau đây không tham gia phản ứng thủy phân

 **A.** Tinh bột. **B.** Saccarozo. **C.** Xenlulozo. **D.** Glucozo.

**Câu 61.** Hòa tan hết 2,76 gam hỗn hợp gồm FeO và Al2O3 cần vừa đủ 70 ml dung dịch H2SO4 1M, sau phản ứng thu được dung dịch chứa m gam hỗn hợp muối. Giá trị của m là

 **A.** 9,62. **B.** 9,48. **C**.8,36. **D.** 8,63.

**Câu 62.** Tại sao các polime không có nhiệt độ nóng chảy xác định.

**A.** Do chúng có cấu trúc không xác định.

**B.** Do chúng là hỗn hợp của nhiều phân tử có khối lượng khác nhau

**C.** Do chúng có tính chất hóa học khác nhau.

**D.** Do chúng có khối lượng quá lớn

**Câu 63.** Sau khi kết thúc thí nghiệm nào sau đây thu được kết tủa

**A.** Nhỏ từ từ tới dư dung dịch KOH vào dung dịch AlCl3.

**B.** Hấp thụ từ từ tới dư khí CO2 vào nước vôi trong.

**C.** Trộn dung dịch Na2CO3 với dung dịch CaCl2.

**D.** Cho bột nhôm vào dung dịch HCl dư.

**Câu 64.** Thủy phân m gam saccarozo trong môi trường axit với hiệu suất 90%, thu được sản phẩm chứa 21,6 gam glucozo. Giá trị của m là

 **A**. 37. **B**. 41. **C**. 45,6. **D**. 22,8.

**Câu 65.** Cho 15 gam hỗn hợp X gồm các amin: anilin, metylamin, đimetylamin, đietylmetylamin tác dụng vừa đủ với 50 ml dung dịch HCl 1M. Khối lượng sản phẩm thu được có giá trị là

 **A.** 16,825 gam. **B.** 20,180 gam. **C.** 21,123 gam. **D.** 15,925 gam.

**Câu 66.** Chất X có nhiều trong cây mía, củ cải đường, hoa thốt nốt. Thủy phân hoàn toàn chất X thu được chất Y có nhiều nhất trong mật ong. Hai chất X, Y lần lượt là

 **A.** Saccarozo, Glucozo. **B.** Tinh bột, fructozo.

 **C.** Saccarozo, fructozo. **D.** Xenlulozo, Glucozo.

**Câu 67.** Đốt cháy một lượng nhôm (Al) trong bình chứa 6,72 lít O2 thu đươc m gam chất rắn A. Đem A hoà tan hoàn toàn vào dung dịch HCl thấy bay ra 6,72 lít H2 (các thể tích khí đo ở đktc). Giá trị của là

 **A.** 16,2gam. **B.** 25,8gam. **C.** 28,5gam. **D**. 24,3gam.

**Câu 68.** Thủy phân este X thu được một ancol bậc I. X không thể là chất nào sau đây

 **A.** Metyl fomat. **B.** Propyl axetat. **C.** Phenyl axetat. **D.** Metyl acrylat.

**Câu 69.** Có 5 dung dịch riêng biệt sau: KCl; NaHSO4; MgCl2; AgNO3; Fe2(SO4)3. Số dung dịch có khả năng phản ứng được với kim loại sắt là

 **A.** 1. **B.** 2. **C**.3. **D.** 4.

**Câu 70.** Thủy phân hoàn toàn một este đơn chức X cần 120 ml dung dịch KOH 2M thu được 27,6 gam muối. Số công thức cấu tạo của X thỏa mãn đề bài là

 **A.** 2. **B.** 3. **C.** 4. **D.** 5.

**Câu 71.** Cho các phát biểu sau:

 (a) Đun nóng chất béo với nước vôi trong, thấy có kết tủa xuất hiện.

 (b) Để giảm đau nhức khi bị ong hoặc kiến đốt có thể bôi vôi tôi vào vết đốt.

 (c) Nếu nhỏ dung dịch I2 vào lát cắt của quả chuối xanh thì xuất hiện màu xanh tím.

 (d) Amino axit là những chất rắn, kết tinh, dễ tan trong nước.

 (e) Poli etilen là polime trùng ngưng

 (f) Peptit có phản ứng màu biure với Cu(OH)2/OH-

Số phát biểu đúng là

 **A.** 3. **B.** 4. **C.** 2. **D.** 5.

**Câu 72.** Tiến hành các thí nghiệm sau:

(a) Cho lượng vừa đủ dung dịch BaCl2 vào dung dịch K2SO4.

(b) Cho 3a mol KOH vào dung dịch chứa 3a mol H3PO4.

(c) Cho Fe vào lượng dư dung dịch FeCl3.

(d) Cho a mol K2O vào dung dịch chứa 2a mol CuSO4.

(e) Nhỏ từng giọt dung dịch chứa a mol HCl vào dung dịch chứa 2a mol NaHCO3.

(f) Nhỏ từ từ tới dư dung dịch NaOH vào dung dịch AlCl3

Sau khi các phản ứng xảy ra hoàn toàn, số thí nghiệm thu được dung dịch chứa hai muối là

 **A.** 2. **B.** 3. **C.** 5. **D.** 4.

**Câu 73.** Một loại phân NPK có độ dinh dưỡng được ghi trên bao bì như sau 20 – 20 -15. Để cung cấp 50 kg nitơ, 17 kg photpho và 30 kg kali cho một thửa ruộng, người ta sử dụng đồng thời x kg phân NPK (ở trên), y kg đạm urê (độ dinh dưỡng là 46%) và z kg phân kali (độ dinh dưỡng là 61%). Tổng giá trị  là

 **A.** 229,89. **B.** 229,98. **C.** 223,08. **D.** 230,13.

**Câu 74.** Xà phòng hóa hoàn toàn m gam hỗn hợp E gồm các triglixerit bằng dung dịch NaOH, thu được glixerol và hỗn hợp X gồm ba muối C17HxCOONa, C15H31COONa, C17HyCOONa có tỉ lệ mol tương ứng là 3 : 4 : 5. Hiđro hóa hoàn toàn m gam E, thu được 68,96 gam hỗn hợp Y. Nếu đốt cháy hoàn toàn m gam E thì cần vừa đủ 6,14 mol O2. Giá trị của m là

 **A.** 68,40. **B.** 60,20. **C.** 68,80. **D.** 68,84.

**Câu 75.** Bình "ga" loại 45 cân sử dụng trong bếp ăn công nghiệp có chứa 45kg khí hóa lỏng (LPG) gồm propan và butan với tỉ lệ mol tương ứng là 2:3. Khi được đốt cháy hoàn toàn, 1 mol propan tỏa ra lượng nhiệt là 2220kJ và 1 mol butan tỏa ra lượng nhiệt là 2850kJ. Trung bình, lượng nhiệt tiêu thụ từ đốt khí "ga" của bếp Y là 25000 kJ/ngày và hiệu suất sử dụng nhiệt là 65%. Sau bao nhiêu ngày bếp Y sử dụng hết bình ga trên?

 **A.** 39,77 **B.** 58,00. **C.** 39.  **D.** 38.

**Câu 76.** Hỗn hợp X gồm Cu và Fe3O4. Khử m gam hỗn hợp X bằng khí CO dư (đun nóng), thu được 0,798m gam hỗn hợp kim loại. Cho m gam hỗn hợp X tác dụng với dung dịch HCl lấy dư, thu được dung dịch Y và chất rắn Z. Cho dung dịch Y tác dụng với dung dịch AgNO3 dư, thu được 427,44 gam kết tủa và V lít khí NO (đktc). Mặt khác, cho m gam hỗn hợp X tác dụng với dung dịch HNO3 loãng dư thu được 2,75V lít NO (sản phẩm khử duy nhất, đktc). Giá trị **gần nhất** của V là

**A.** 2,24. **B.** 2,68. **C.** 2,82. **D.** 2,71.

**Câu 77.** X là hỗn hợp chứa một axit đơn chức, một ancol hai chức và một este hai chức (đều no, mạch hở). Đốt cháy hoàn toàn 0,09 mol X cần 10,752 lít khí O2 (đktc). Sau phản ứng thấy khối lượng của CO2 lớn hơn khối lượng của H2O là 10,84 gam. Mặt khác, 0,09 mol X tác dụng vừa hết với 0,1 mol KOH. Cô cạn dung dịch sau phản ứng thu được m gam muối khan và một ancol có 3 nguyên tử C trong phân tử. Giá trị của m là

 **A.** 8,6. **B.** 10,4. **C.** 9,8. **D.** 12,6.

**Câu 78.** Điện phân dung dịch hỗn hợp NaCl và 0,05 mol CuSO4 bằng dòng điện một chiều có cường độ 2A (điện cực trơ, có màng ngăn). Sau thời gian t giây thì ngừng điện phân, thu được khí ở hai điện cực có tổng thể tích là 2,352 lít (đktc) và dung dịch X. Dung dịch X hoà tan được tối đa 2,04 gam Al2O3. Giả sử hiệu xuất điện phân là 100%, các khí sinh ra không tan trong dung dịch. Giá trị của t là

 **A.** 9408. **B.** 7720. **C.** 8685. **D.** 9650.

**Câu 79.** Cho sơ đồ: 

Cặp chất Z, T theo thứ tự nào sau đây không thể thỏa mãn sơ đồ trên

**A.** NH3, CO2. **B.** CO2, NH3. **C.** HCl, NH3. **D**.NH3, AlCl3.

**Câu 80.** Cho hai chất hữu cơ mạch hở E, F có cùng công thức đơn giản nhất là CH2O. Các chất E, F, X tham gia phản ứng theo đúng tỉ lệ mol như sơ đồ dưới đây:

E + NaOH  X + Y

F + NaOH  X + Z

X + CO T

Biết: X, Y, Z, T là các chất hữu cơ và ME < MF < 100. Cho các phát biểu sau:

(a) Cho a mol F phản ứng với Na, thu được 0,5a mol H2.

(b) Đốt cháy hoàn toàn Z, thu được 

(c) Y có khả năng tham gia phản ứng tráng gương.

(d) F có hai công thức cấu tạo thỏa mãn tính chất.

(e) Dung dịch chất T hòa tan Cu(OH)2, thu được dung dịch màu xanh thẫm.

Số phát biểu đúng là

 **A.** 2. **B.** 4. **C.** 1. **D.** 3.

**\_\_\_\_\_HẾT\_\_\_\_\_**